

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2026/DS-ST
Ngày 30/3/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2025/TLST-DS ngày 10/11/2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2026/QĐXXST-DS ngày 27/01/2026 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 12/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N1; địa chỉ: Số B L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Nhất Vy H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh S, theo Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022.

Người được uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Cẩm L, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N1 – Chi nhánh S; địa chỉ: Số D đường N, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi, theo Giấy uỷ quyền số 618/GUQ-NHNo.ST ngày 26/12/2025.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc L1, sinh năm 1982 và bà Lương Thị T, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Thôn C, Phường T (trước khi sáp nhập là xã T, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi.

(Bà L, ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N1 trình bày:*

Giữa Ngân hàng N1 - Chi nhánh S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N1) và ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T ký kết Hợp đồng tín dụng số 4512LAV202205237 ngày 01/11/2022, theo đó ông L1, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: chăn nuôi bò sinh sản; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/11/2024).

Hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo theo quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Do đó, khi vay vốn ông L1, bà T có giao cho Ngân hàng Nông nghiệp giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 274584, thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 06, xã B (trước khi sáp nhập là xã T, huyện S), tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) cấp ngày 07/01/2019 cho bà Lương Thị T.

Ngân hàng N1 đã giải ngân cho ông L1, bà T nhận tiền vay theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 01/11/2022.

Trong thời gian vay vốn, ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T đã trả nợ gốc là 1.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 08/11/2023. Từ ngày 02/5/2024, ông L1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 30/3/2026 là 269.546.401 đồng. Trong đó: Nợ gốc 199.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.296.110 đồng, nợ lãi quá hạn 15.412.959 đồng, lãi chậm trả 2.837.332 đồng.

- Buộc ông L1, bà T phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4512LAV202205237 ngày 01/11/2022.

Ngân hàng sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 274584, thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 06, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã B, tỉnh Quảng Ngãi) cho bà Lương Thị T sau khi tất toán xong hợp đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì đối với quyền sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T nhưng ông L1, bà T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa. Tại Đơn xin vắng mặt ngày 18/3/2026, ông Phạm Ngọc L1*

trình bày: Thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, thừa nhận có nợ như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện kinh tế khó khăn nên xin trả gốc, không trả lãi.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 30/3/2026 là 269.546.401 đồng; trong đó: Nợ gốc 199.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.296.110 đồng, nợ lãi quá hạn 15.412.959 đồng, lãi chậm trả 2.837.332 đồng.

Đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4512LAV202205237 ngày 01/11/2022 đã ký kết với Ngân hàng; bị đơn ông L1, bà Thường trú tại thôn C, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của .

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Thị T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; ông Phạm Ngọc L1 và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Nông nghiệp vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số 4512LAV202205237 ngày 01/11/2022 để vay của Ngân hàng N1 số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: chăn nuôi bò sinh sản; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 11%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/11/2024). Hình thức cho vay không có tài sản đảm bảo

theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ông L1, bà T có giao cho Ngân hàng Nông nghiệp giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 274584, thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 06, xã B (trước khi sáp nhập là xã T, huyện S), tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) cấp ngày 07/01/2019 cho bà Lương Thị T.

[2.2] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N1 đã giải ngân cho ông L1, bà T nhận tiền vay theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ ngày 01/11/2022. Trong thời gian vay, ông L1, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, chỉ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp số tiền gốc 1.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 08/11/2023. Theo bảng kê chi tiết khoản vay của ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T do Ngân hàng N1 cung cấp thể hiện, tính đến hết ngày 30/3/2026, ông L1, bà T còn nợ tổng số tiền 269.546.401 đồng; trong đó: Nợ gốc 199.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.296.110 đồng, nợ lãi quá hạn 15.412.959 đồng, lãi chậm trả 2.837.332 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T nhưng ông L1, bà T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa. Tại Đơn xin vắng mặt ngày 18/3/2026, ông Phạm Ngọc L1 trình bày, thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, thừa nhận có nợ như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả nợ.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc ông L1, bà T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến hết ngày 30/3/2026 là 269.546.401 đồng; trong đó: Nợ gốc 199.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.296.110 đồng, nợ lãi quá hạn 15.412.959 đồng, lãi chậm trả 2.837.332 đồng và buộc ông L1, bà T phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 9, 10, 11 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, nên được chấp nhận.

[2.4] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 274584, thửa đất số 1088, tờ bản đồ số 06, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc xã B, tỉnh Quảng Ngãi), do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Q (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Q) cấp cho bà Lương Thị Thường N 07/01/2019 thì Ngân hàng Nông nghiệp trình bày đang tạm giữ, theo đúng thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng số 4512LAV202205237 ngày 01/11/2022; Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày

09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ngân hàng N1 cam kết trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1, bà Thường khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Các đương sự không có ý kiến, yêu cầu giải quyết về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.477.320 đồng (*mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp số tiền 6.329.235 đồng (*sáu triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp (do ông Võ Nguyễn Phú X nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002127 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 9, 10, 11 Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1.

- Buộc ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải trả cho Ngân hàng N1 tổng số tiền tính đến hết ngày 30/3/2026 là 269.546.401 đồng (*hai trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm lẻ một đồng*), trong đó: Nợ gốc 199.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 52.296.110 đồng, nợ lãi quá hạn 15.412.959 đồng, lãi chậm trả 2.837.332 đồng.

- Buộc ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ ngày 31/3/2026, theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4512LAV202205237 ngày 01/11/2022 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng N1.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phạm Ngọc L1, bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 13.477.320 đồng (*mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm hai mươi đồng*).

- Hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền 6.329.235 đồng (*sáu triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp (do ông Võ Nguyễn Phú X nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002127 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Dũng